

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17/7/2023.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Ngộ** và bà **Hoàng Thị Thanh Tú**

Thư ký phiên toà: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Âu Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lèng Văn T** - sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Lường Thị L** - sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

3. Những người làm chứng:

- Ông **Lường Văn L1**. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà **Ma Thị Y**

- Ông **Lèng Văn T1**

Cùng địa chỉ: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Tất cả những người làm chứng, Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Lèng Văn T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Giữa anh và chị Lường Thị L có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 01/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh cùng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh

ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên đến khoảng năm 2017 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm nhiều vấn đề và không thể tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đến năm 2019 thì anh và chị L chính thức ly thân cho đến nay, chị L đã chuyển khẩu và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình ly thân, anh và chị L mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị L chỉ liên lạc với anh 1 – 2 lần nhưng đều là để đề cập đến việc ly hôn. Quá trình đó con gái ở với anh nhưng chị L cũng không liên hệ hỏi han quan tâm đến con cái. Nay, anh xét thấy tình cảm không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục được, hôn nhân của anh và chị L cũng không còn tồn tại trên thực tế, suốt 4 năm qua anh và chị L đã mỗi người một cuộc sống riêng, không còn yêu thương chăm sóc gắn bó chia sẻ giúp đỡ nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh và chị L có 01 (Một) con chung là Lèng Thị Khánh Y – sinh ngày 08/12/2012, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con vì hiện nay anh có điều kiện sống ổn định (cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên bố mẹ anh cũng giúp được anh nhiều trong việc nuôi dưỡng con), anh có thu nhập ổn định, hơn nữa lâu nay anh vẫn là người trực tiếp nuôi con. Lâu nay chị L cũng không liên hệ hỏi han quan tâm đến con cái. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Anh và chị L không có tài sản chung.

- **Về vay nợ chung:** Anh và chị L không có vay nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hoà giải cho chị L theo địa chỉ thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhưng không thấy chị L có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, chị L cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ nhà chị L để giao, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không lần nào gặp được chị L. Chính vì vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo các giấy tờ, văn bản tố tụng cho chị L. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147/BLTTDS; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lèng Văn T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lèng Văn T được ly hôn với chị Lường Thị L.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lèng Thị Khánh Y, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Lèng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị L được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lèng Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Lường Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1, Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Lèng Văn T, bị đơn Lường Thị L.

[III] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lèng Văn T và chị Lường Thị L kết hôn ngày 01/11/2012 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, giữa anh T và chị L đã từng có thời gian chung sống hoà thuận, tuy nhiên đến khoảng năm 2017 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm nhiều vấn đề và không thể tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đến năm 2019 thì anh T và chị L chính thức ly thân cho đến nay. Quá trình ly thân, anh T và chị L mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh chị không còn yêu thương chăm sóc, gắn bó, chia sẻ, giúp đỡ nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa anh T và chị L có bố mẹ đẻ của anh T là ông Lèng Văn T1 và bà Ma Thị Y, bố đẻ của chị L là ông Lường Văn L1 biết. Nay anh T khẳng định không còn tình cảm với chị L nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Như vậy, phải khẳng định rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra, ngày càng trầm trọng, anh chị không còn tiếng nói chung, với tình trạng cuộc sống như vậy, xét thấy có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng – vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống, hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị L.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị L có 01 (Một) con chung là Lèng Thị Khánh Y, sinh ngày 08/12/2012, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy lâu nay anh T là người trực tiếp

nuôi dưỡng con, để đảm bảo cho cháu được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt, hơn nữa anh T có thu nhập ổn định – cụ thể anh T lao động tự do, thu nhập khoảng 7.000.000đ/01 tháng. Toà án không tiến hành làm việc được với chị L, chị L không cung cấp thông tin cụ thể cho Toà án nên Toà án không xác định được cụ thể về điều kiện nuôi con của chị L. Do vậy, xét về điều kiện nuôi con của anh T là đảm bảo, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T: Giao con chung Lèng Thị Khánh Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về tài sản chung:** Anh T và chị L không có tài sản chung

[4] **Về vay nợ chung:** Anh T và chị L không có vay nợ chung.

[5] **Về án phí:** Nguyên đơn Lèng Văn T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[III] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lèng Văn T: Anh Lèng Văn T được ly hôn chị Lèng Thị L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung: Lèng Thị Khánh Y, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Lèng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Lèng Thị Khánh Y đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L không có tài sản chung.

4. Về vay nợ chung: Anh T và chị L không có vay nợ chung.

5. Về án phí: Anh Lèng Văn T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001984, ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lèng Văn T, bị đơn Lường Thị L – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSCM: 2
- Các đương sự: 2
- UBND xã Tân Thịnh
- (Nơi ĐKKH): 1
- THACM: 1
- TAT: 1
- Lưu HS: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Triệu Thị Vang